

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 66/2003/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2003 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01/9/1999 và Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 của Chính phủ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định số 88/1999/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 1999 và Nghị định số 14/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 88/CP và Nghị định số 14/CP) như sau:

1. Điểm c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"c) Các dự án sử dụng nguồn vốn tài trợ của các tổ chức quốc tế hoặc của nước ngoài được thực hiện trên cơ sở nội dung văn bản thỏa thuận được hai bên ký kết (bên tài trợ và bên Việt Nam). Trường hợp có những nội dung liên quan tới quy định về đấu thầu trong dự thảo văn bản thỏa thuận khác với Quy chế đấu thầu này thì cơ quan được giao trách nhiệm đàm phán ký kết thỏa thuận phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trước khi ký kết. Trường hợp văn bản thỏa thuận đã ký có những nội dung liên quan tới quy định về đấu thầu khác với Quy chế đấu thầu

của Việt Nam thì áp dụng theo văn bản thỏa thuận đã ký. Riêng thủ tục về trình duyệt, thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện theo Quy chế đấu thầu của Việt Nam".

2. Điều 3 Nghị định số 88/CP được sửa đổi khoản 10, khoản 30 và bổ sung khoản 35 như sau:

"10. Nhà thầu là tổ chức, cá nhân trong nước hoặc nước ngoài có năng lực pháp luật dân sự, đối với cá nhân còn phải có năng lực hành vi dân sự để ký kết và thực hiện hợp đồng. Năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự của nhà thầu trong nước được xét theo pháp luật Việt Nam, đối với nhà thầu nước ngoài được xét theo pháp luật của nước nơi nhà thầu mang quốc tịch. Nhà thầu phải đảm bảo sự độc lập về tài chính của mình.

Nhà thầu là nhà xây dựng trong đấu thầu xây lắp; là nhà cung cấp trong đấu thầu mua sắm hàng hóa; là nhà tư vấn (có thể chỉ là một cá nhân) trong đấu thầu tuyển chọn tư vấn; là nhà đầu tư trong đấu thầu lựa chọn đối tác đầu tư.

Nhà thầu có thể tham gia dự thầu độc lập (gọi là nhà thầu độc lập) hoặc liên danh với các nhà thầu khác (gọi là nhà thầu liên danh). Trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên tham gia liên danh về trách nhiệm chung và riêng đối với công việc thuộc gói thầu và phải có người đứng đầu của liên danh.

30. Giá ký hợp đồng là giá được bên mời thầu và nhà thầu trúng thầu thỏa thuận sau khi thương thảo hoàn thiện hợp đồng phải phù hợp với giá trúng thầu, hồ sơ mời thầu và hồ sơ dự thầu. Giá ký hợp đồng cùng với các điều khoản cụ thể về thanh toán được ghi trong hợp đồng là cơ sở để thanh toán vốn cho gói thầu.

35. Chủ dự án là tổ chức được giao trách nhiệm trực tiếp quản lý và thực hiện dự án quy định tại

khoản 5 Điều 3 Nghị định số 88/CP. Đối với dự án đầu tư chủ dự án là chủ đầu tư”.

3. Khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Đấu thầu rộng rãi

Đấu thầu rộng rãi là hình thức đấu thầu không hạn chế số lượng nhà thầu tham gia. Bên mời thầu phải thông báo công khai về các điều kiện, thời gian dự thầu trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc thông báo trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước và của Bộ, ngành địa phương tối thiểu 10 ngày trước khi phát hành hồ sơ mời thầu. Đấu thầu rộng rãi là hình thức chủ yếu áp dụng trong đấu thầu.

Các hình thức lựa chọn nhà thầu khác chỉ được áp dụng khi có đầy đủ căn cứ và được người có thẩm quyền chấp thuận trong kế hoạch đấu thầu.

2. Đấu thầu hạn chế

Đấu thầu hạn chế là hình thức đấu thầu mà Bên mời thầu mời một số nhà thầu (tối thiểu là 5) có đủ kinh nghiệm và năng lực tham dự. Trong trường hợp thực tế chỉ có ít hơn 5, Bên mời thầu phải báo cáo chủ dự án trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định. Chủ dự án quyết định danh sách nhà thầu tham dự trên cơ sở đánh giá của Bên mời thầu về kinh nghiệm và năng lực các nhà thầu, song phải đảm bảo khách quan, công bằng và đúng đối tượng. Hình thức này chỉ được xem xét áp dụng khi có một trong các điều kiện sau:

- a) Chỉ có một số nhà thầu có khả năng đáp ứng được yêu cầu của gói thầu;
- b) Do nguồn vốn sử dụng yêu cầu phải tiến hành đấu thầu hạn chế;
- c) Do tình hình cụ thể của gói thầu mà việc đấu thầu hạn chế có lợi thế”.

4. Điểm b, điểm c và điểm d khoản 2 Điều 1 Nghị định số 14/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Gói thầu có tính chất nghiên cứu thử nghiệm, bí mật quốc gia do người có thẩm quyền quyết định.

c) Gói thầu có giá trị dưới 1 tỷ đồng đối với mua sắm hàng hóa, xây lắp; dưới 500 triệu đồng đối với tư vấn.

Đối với các gói thầu được chỉ định thầu quy định tại điểm này thuộc dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư và Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư, Thủ tướng Chính phủ phân cấp cho chủ dự án chịu trách nhiệm quyết định nhưng phải đảm bảo theo đúng Quy chế đấu thầu.

Khi chỉ định thầu các gói thầu quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 14/CP, người quyết định chỉ định thầu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình.

Trường hợp thấy không cần thiết chỉ định thầu thì tổ chức đấu thầu theo quy định. Nghiêm cấm việc tùy tiện chia dự án thành nhiều gói thầu nhỏ để chỉ định thầu.

Bộ Tài chính quy định cụ thể về chỉ định thầu mua sắm thường xuyên đối với đồ dùng, vật tư, trang thiết bị, phương tiện làm việc của cơ quan nhà nước; đồ dùng, vật tư, trang thiết bị, phương tiện làm việc thông thường của lực lượng vũ trang.

d) Gói thầu có tính chất đặc biệt khác do yêu cầu của cơ quan tài trợ vốn, do tính phức tạp về kỹ thuật và công nghệ hoặc do yêu cầu đột xuất của dự án. Việc chỉ định thầu sẽ do người có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định có liên quan, ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài trợ vốn và các cơ quan có liên quan khác”.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

5. Điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Hợp đồng chìa khóa trao tay là hợp đồng bao gồm toàn bộ các công việc thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và xây lắp của một gói thầu được thực hiện thông qua một nhà thầu (viết tắt theo tiếng Anh là EPC).

Việc lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu EPC thông qua hợp đồng EPC phải tuân thủ theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 88/CP và trên cơ sở kế hoạch đấu thầu được duyệt. Hồ sơ mời thầu phải bao gồm cả ba phần thiết kế (E), cung cấp thiết bị vật tư (P) và xây lắp (C). Tiêu chuẩn đánh giá đối với gói thầu EPC cũng phải bao gồm đầy đủ cả 3 công việc này, trong đó phải quy định mức điểm yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật đối với từng công việc. Nhà thầu có hồ sơ dự thầu đạt yêu cầu cao về mặt kỹ thuật theo tiêu chuẩn đánh giá được duyệt (không thấp hơn 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật) và có giá đánh giá thấp nhất sẽ được xem xét trúng thầu.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy trình tổ chức đấu thầu để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu EPC.

Nội dung hợp đồng EPC theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng như quy định tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2003 của Chính phủ.

Chủ dự án có trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện và nghiệm thu bàn giao khi nhà thầu hoàn thành toàn bộ công trình theo hợp đồng đã ký”.

6. Điểm a khoản 2 Điều 7 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Khi có những khối lượng, số lượng phát sinh do thay đổi thiết kế: Nếu những phát sinh thuộc phạm vi của hồ sơ mời thầu đã được phê duyệt thì giá trị phần khối lượng, số lượng phát sinh được tính theo đơn giá của hợp đồng gốc.

Nếu không thuộc phạm vi công việc của hồ sơ mời thầu thì tính theo đơn giá do nhà nước quy định tại thời điểm phê duyệt”.

7. Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Nhà thầu tham dự đấu thầu hoặc các hình thức lựa chọn nhà thầu khác quy định tại Điều 4 Nghị định số 88/CP phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Độc lập về tài chính, có năng lực pháp luật dân sự, đối với cá nhân còn phải có năng lực hành vi dân sự để ký kết và thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp mua sắm thiết bị phức tạp, nhà thầu phải có giấy phép bán hàng của nhà sản xuất;

b) Chỉ được tham gia một đơn dự thầu trong một gói thầu, dù dưới hình thức tham gia độc lập hay liên doanh;

c) Có tên trong hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu”.

8. Khoản 2 và khoản 8 Điều 10 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Nhà thầu nước ngoài khi tham dự đấu thầu quốc tế tại Việt Nam về xây lắp, cung cấp hàng hóa phải liên doanh với nhà thầu Việt Nam hoặc phải cam kết sử dụng thầu phụ Việt Nam, trong đó nêu rõ sự phân chia giữa các bên về phạm vi công việc, khối lượng và giá trị tương ứng. Đối với gói thầu tư vấn thuộc các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước khi có yêu cầu phải sử dụng tư vấn nước ngoài thì các tổ chức, chuyên gia nước ngoài tham gia quá trình lựa chọn phải liên doanh với nhà tư vấn trong nước để thực hiện (trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép không phải liên doanh).

8. Ưu đãi nhà thầu trong nước và hàng hóa sản xuất trong nước trong các cuộc đấu thầu quốc

tế tổ chức tại Việt Nam thuộc các dự án nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 88/CP như sau:

a) Đối tượng ưu đãi

- Các nhà thầu trong nước có đủ điều kiện tham gia đấu thầu, bao gồm:

+ Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp nhà nước hoặc hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp liên doanh hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam có phần góp vốn pháp định của bên Việt Nam trên 50%;

- Gói thầu xây lắp hoặc tư vấn trong đó công việc do nhà thầu trong nước đảm nhận có giá trị trên 50%.

- Gói thầu cung cấp hàng hóa có tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước chiếm trên 30% giá xuất xưởng.

b) Nội dung ưu đãi

Khi đánh giá các hồ sơ dự thầu mà trong đó có nhà thầu trong nước hoặc hàng hóa sản xuất trong nước, việc xét ưu đãi được thực hiện như sau:

- Đối với gói thầu tuyển chọn tư vấn, khi đánh giá hồ sơ dự thầu, nhà thầu trong nước thuộc diện ưu đãi đã đạt điểm tối thiểu trở lên về mặt kỹ thuật, thì điểm đánh giá tổng hợp được cộng thêm 7,5%;

- Đối với gói thầu xây lắp, khi xác định giá đánh giá, việc ưu đãi được thực hiện bằng cách cộng thêm 7,5% giá dự thầu (sau khi sửa lỗi số học và hiệu chỉnh sai lệch) vào giá đánh giá của nhà thầu không thuộc diện ưu đãi để làm cơ sở so sánh và xếp hạng các hồ sơ dự thầu;

- Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa, khi xác định giá đánh giá của các hồ sơ dự thầu có các loại hàng hóa không thuộc diện ưu đãi phải cộng thêm vào giá đánh giá một khoản tiền tương

đương với các loại thuế và phí nhập khẩu theo quy định của pháp luật mà nhà thầu nhập khẩu không được miễn thuế phải trả cho hàng hóa thuộc gói thầu hoặc phải cộng thêm 15% giá hàng hóa, bao gồm cước phí vận tải và bảo hiểm đến cảng biển, cảng sông của Việt Nam (giá CIF) hoặc giá hàng hóa, bao gồm cước phí vận tải và bảo hiểm tới nơi quy định (giá CIF) của hàng hóa đó, nếu các loại thuế và phí nhập khẩu nêu trên vượt quá 15% (trừ các loại hàng hóa phải đóng thuế nhập khẩu).

- Trong trường hợp điểm tổng hợp ngang nhau đối với gói thầu tư vấn, hoặc giá đánh giá ngang nhau đối với gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa thì nhà thầu trong nước được ưu đãi xếp hạng trên nhà thầu nước ngoài”.

9. Khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 13 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Mở thầu:

Sau khi tiếp nhận các hồ sơ dự thầu (đủ niêm phong, nộp theo đúng yêu cầu của hồ sơ mời thầu và được quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ “Mật”), việc mở thầu được tiến hành công khai ngay sau thời điểm đóng thầu theo ngày, giờ và địa điểm ghi trong hồ sơ mời thầu. Thông tin chính nêu trong hồ sơ dự thầu của từng nhà thầu phải được thông báo công khai trong buổi mở thầu và ghi lại trong biên bản mở thầu.

Biên bản mở thầu cần bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên gói thầu;

b) Ngày, giờ, địa điểm mở thầu;

c) Tên và địa chỉ các nhà thầu;

d) Giá dự thầu, bảo lãnh dự thầu đối với mua sắm hàng hóa hoặc xây lắp và tiến độ thực hiện;

d) Các nội dung liên quan khác.

Đại diện của Bên mời thầu, đại diện các nhà

thầu được mời tham dự nếu có mặt phải ký vào biên bản mở thầu.

Bản gốc hồ sơ dự thầu sau khi mở phải được Bên mời thầu ký xác nhận từng trang để bảo đảm nguyên trạng trước khi tiến hành đánh giá và quản lý theo chế độ quản lý hồ sơ "Mật".

2.b) Sử dụng phương pháp giá đánh giá đối với các gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc xây lắp theo hai bước sau:

- Bước 1: Đánh giá về mặt kỹ thuật theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu để chọn danh sách ngắn (danh sách các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật theo tiêu chuẩn đánh giá).

Hồ sơ dự thầu khi có tổng số điểm đạt từ mức điểm tối thiểu trở lên được quy định trong tiêu chuẩn đánh giá nhưng theo nguyên tắc không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về mặt kỹ thuật, đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm tối thiểu quy định không thấp hơn 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật (đối với phương pháp chấm điểm) hoặc đáp ứng các yêu cầu theo tiêu chí "đạt", "không đạt" đều được coi là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật.

- Bước 2: Xác định giá đánh giá đối với các hồ sơ dự thầu thuộc danh sách ngắn để xếp hạng".

10. Điều 15 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Điều 15. Trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ dự án và Bên mời thầu.

1. Người có thẩm quyền có trách nhiệm:

a) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án, phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt hồ sơ mời thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu đối với tất cả các gói thầu thuộc dự án trên cơ sở báo cáo thẩm định của cơ quan thẩm định;

b) Chỉ đạo, kiểm tra chủ dự án, Bên mời thầu thực hiện Quy chế đấu thầu.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

a) Trình người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với tất cả các gói thầu thuộc dự án;

b) Chịu trách nhiệm về quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của Quy chế đấu thầu và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình. Trường hợp chủ dự án đủ năng lực thì tự làm Bên mời thầu để tổ chức đấu thầu, nếu không đủ năng lực thì được phép sử dụng một tổ chức chuyên môn đủ tư cách và năng lực thay mình làm Bên mời thầu, nhưng chủ dự án vẫn phải chịu trách nhiệm về quá trình lựa chọn nhà thầu theo quy định của Quy chế đấu thầu và trực tiếp ký kết hợp đồng với nhà thầu trúng thầu.

c) Quyết định các nội dung của quá trình đấu thầu, bao gồm:

- Hồ sơ mời sơ tuyển, tiêu chuẩn đánh giá sơ tuyển và kết quả sơ tuyển;

- Danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế;

- Danh sách các nhà thầu tham gia đấu thầu tuyển chọn tư vấn;

- Danh sách các nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và danh sách xếp hạng các nhà thầu theo điểm đánh giá tổng hợp về kỹ thuật và tài chính đối với gói thầu tư vấn;

- Danh sách các nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và danh sách xếp hạng các nhà thầu theo giá đánh giá đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc xây lắp;

- Thương thảo với nhà thầu được chỉ định thầu và chịu trách nhiệm về các nội dung chỉ định thầu;

- Quyết định chỉ định thầu các gói thầu quy định tại điểm c, điểm e khoản 2 Điều 1 Nghị định số 14/CP;

- Nội dung hợp đồng.

Trường hợp chủ dự án đồng thời là người có thẩm quyền quyết định dự án hoặc đồng thời là Bên mời thầu thì phải thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 3 Điều này.

3. Bên mời thầu có trách nhiệm:

a) Tổ chức và thực hiện việc lựa chọn nhà thầu, chịu trách nhiệm trước pháp luật về quá trình lựa chọn nhà thầu theo pháp luật về đấu thầu.

b) Lập và trình duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án quy định tại Điều 8 Nghị định số 88/CP.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch đấu thầu được duyệt theo trình tự tổ chức đấu thầu quy định tại các Điều 20, 22, 33, 45 và 47 Nghị định số 88/CP, bao gồm:

- Thành lập tổ chuyên gia hoặc thuê tư vấn giúp việc đấu thầu trên cơ sở quyết định của chủ dự án;

- Tổng hợp quá trình lựa chọn nhà thầu và báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu lên chủ dự án;

- Công bố trúng thầu, thương thảo hoàn thiện hợp đồng;

- Trình chủ dự án quyết định nội dung hợp đồng để chủ dự án ký kết hợp đồng”.

11. Khoản 1 và khoản 2 Điều 16 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Thành phần Tổ chuyên gia:

Tùy theo tính chất và mức độ phức tạp của gói thầu, thành phần Tổ chuyên gia cần bao gồm các chuyên gia về:

a) Kỹ thuật, công nghệ;

b) Tài chính, thương mại;

c) Pháp lý và các vấn đề khác (nếu cần).

Danh sách Tổ chuyên gia do chủ dự án quyết định.

Tổ trưởng Tổ chuyên gia có trách nhiệm điều hành công việc, tổng hợp và chuẩn bị các báo cáo đánh giá các hồ sơ dự thầu hoặc tài liệu có liên quan khác.

2. Tiêu chuẩn đối với thành viên Tổ chuyên gia:

a) Am hiểu pháp luật về đấu thầu;

b) Có trình độ chuyên môn liên quan đến gói thầu;

c) Am hiểu về các nội dung cụ thể của gói thầu;

d) Có kinh nghiệm trong công tác quản lý thực tế hoặc nghiên cứu.”

12. Điều 29 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 29. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu phải được nêu đầy đủ trong hồ sơ mời thầu, bao gồm:

1. Tiêu chuẩn về năng lực và kinh nghiệm nhà thầu:

a) Năng lực sản xuất và kinh doanh, cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn;

b) Năng lực tài chính (doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu khác);

c) Kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng tương tự tại Việt Nam và ở nước ngoài; một số trường hợp đặc biệt để tạo điều kiện cho nhà thầu trong nước phát triển thì yêu cầu về kinh nghiệm có thể chỉ là tối thiểu nhưng phải được người có thẩm quyền xem xét, quyết định trong hồ sơ mời thầu.

Các nội dung quy định tại khoản này được đánh giá theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà

thầu phải đạt cả 3 nội dung a, b và c khoản này mới được xem là đủ năng lực và kinh nghiệm tham dự thầu.

2. Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật:

a) Khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng và tính năng kỹ thuật hàng hóa nêu trong hồ sơ mời thầu;

b) Đặc tính kinh tế kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất và các nội dung khác (trong hồ sơ mời thầu không được yêu cầu về thương hiệu hoặc nguồn gốc cụ thể của hàng hóa);

c) Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung ứng hàng hóa;

d) Khả năng lắp đặt thiết bị và năng lực cán bộ kỹ thuật;

d) Khả năng thích ứng về mặt địa lý;

e) Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;

g) Khả năng cung cấp tài chính (nếu có yêu cầu);

h) Các nội dung khác về điều kiện thương mại, tài chính, thời gian thực hiện, đào tạo chuyển giao công nghệ (nếu có).

Sử dụng thang điểm (100 hoặc 1000) hoặc tiêu chí “đạt”, “không đạt” để xác định các nội dung quy định tại khoản này. Trong tiêu chuẩn đánh giá cần quy định mức yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật nhưng không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về mặt kỹ thuật (đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm tối thiểu quy định không thấp hơn 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật). Trường hợp quy định trong tiêu chuẩn đánh giá sử dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt” cũng phải quy định rõ mức yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật.

Hồ sơ dự thầu có tổng số điểm đạt hoặc vượt

mức điểm tối thiểu khi áp dụng phương pháp chấm điểm hoặc đáp ứng các yêu cầu khi áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “đạt”, “không đạt” thì được coi là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá, bao gồm:

a) Thời gian sử dụng;

b) Công suất thiết kế;

c) Tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm;

d) Nguồn gốc hàng hóa nêu trong hồ sơ dự thầu;

đ) Chi phí vận hành, duy tu, bảo dưỡng;

e) Các điều kiện thương mại, tài chính;

g) Tiến độ cung cấp và lắp đặt.

4. Ngoài tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu không được bỏ bớt, bổ sung hoặc thay đổi bất kỳ nội dung nào của tiêu chuẩn đánh giá trong quá trình xét thầu.

13. Điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Bước 1: Đánh giá về mặt kỹ thuật để chọn danh sách ngắn

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật được căn cứ theo tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu để chọn danh sách ngắn. Trong quá trình đánh giá Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu giải thích về những nội dung chưa rõ, chưa hợp lý trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu như số lượng, đơn giá”.

14. Khoản 6 Điều 35 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“6. Hồ sơ thiết kế kỹ thuật kèm theo bản tiên lượng và chỉ dẫn kỹ thuật.

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật phải đảm bảo chất lượng theo quy định. Tiên lượng bóc từ thiết kế

phải đảm bảo đầy đủ, chính xác để làm cơ sở pháp lý cho nhà thầu lập giá dự thầu. Yêu cầu về chất lượng vật tư cho xây dựng và lắp đặt phải được nêu rõ trong hồ sơ mời thầu để làm cơ sở cho việc tính toán, lập đơn giá dự thầu, phân tích đơn giá dự thầu một số hạng mục chính theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu. Nghiêm cấm việc nêu yêu cầu về thương hiệu hoặc nguồn gốc vật tư trong hồ sơ mời thầu”.

15. Điều 40 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 40. Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu

Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu phải được nêu đầy đủ trong hồ sơ mời thầu, bao gồm:

1. Tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu:

a) Kinh nghiệm đã thực hiện các dự án có yêu cầu kỹ thuật ở vùng địa lý và hiện trường tương tự;

b) Số lượng, trình độ cán bộ, công nhân kỹ thuật trực tiếp thực hiện dự án;

c) Năng lực tài chính (doanh thu, lợi nhuận và các chỉ tiêu khác).

Các nội dung quy định tại khoản này được đánh giá theo tiêu chí “đạt”, “không đạt”. Nhà thầu phải đạt cả 3 nội dung a, b và c khoản này mới được xem là đủ năng lực và kinh nghiệm tham gia dự thầu.

2. Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật:

a) Mức độ đáp ứng đối với các yêu cầu về kỹ thuật, chất lượng vật tư thiết bị nêu trong hồ sơ thiết kế;

b) Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công;

c) Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, an toàn lao động;

d) Mức độ đáp ứng của thiết bị thi công (số lượng, chủng loại, chất lượng và tiến độ huy động), nhân lực thi công;

d) Các biện pháp đảm bảo chất lượng;

e) Khả năng cung cấp tài chính (nếu có yêu cầu);

g) Các nội dung về tiến độ thi công, mức độ liên doanh, liên kết và những nội dung khác có yêu cầu trong hồ sơ mời thầu.

Sử dụng thang điểm (100 hoặc 1.000) hoặc tiêu chí “đạt”, “không đạt” để xác định các nội dung quy định tại khoản này. Tiêu chuẩn đánh giá cần quy định mức điểm tối thiểu về mặt kỹ thuật nhưng không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về mặt kỹ thuật (đối với gói thầu có yêu cầu kỹ thuật cao, mức điểm tối thiểu quy định không thấp hơn 90% tổng số điểm về mặt kỹ thuật) khi sử dụng thang điểm để đánh giá hồ sơ dự thầu. Trường hợp sử dụng tiêu chí “đạt”, “không đạt” cũng phải quy định rõ mức yêu cầu tối thiểu về mặt kỹ thuật.

Hồ sơ dự thầu có tổng số điểm đạt hoặc vượt mức điểm tối thiểu đối với phương pháp chấm điểm hoặc đạt các yêu cầu theo tiêu chí “đạt”*, “không đạt” được coi là đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật.

3. Tiêu chuẩn đưa về một mặt bằng để xác định giá đánh giá, bao gồm:

a) Chất lượng vật tư sử dụng để thi công, lắp đặt;

b) Chí phí vận hành, bảo dưỡng, duy tu công trình;

c) Những chi phí phát sinh khác mà chủ dự án phải thanh toán ngoài hợp đồng xây lắp (nếu có);

d) Điều kiện hợp đồng (đặc biệt là tiến độ thanh quyết toán);

d) Điều kiện tài chính (như thời gian vay, lãi suất vay...);

e) Thời gian thực hiện hợp đồng.

4. Ngoài tiêu chuẩn đánh giá quy định trong hồ sơ mời thầu không được bỏ bớt, bổ sung hoặc thay đổi bất kỳ nội dung nào của tiêu chuẩn đánh giá trong quá trình xét thầu”.

16. Khoản 2 Điều 41 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đánh giá chi tiết:

Việc đánh giá chi tiết hồ sơ dự thầu bao gồm hai bước sau:

a) Bước 1: Đánh giá về mặt kỹ thuật để chọn danh sách ngắn.

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật được căn cứ theo tiêu chuẩn đánh giá nêu trong hồ sơ mời thầu để chọn danh sách ngắn. Trong quá trình đánh giá Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu giải thích về những nội dung chưa rõ, chưa hợp lý trong hồ sơ dự thầu của các nhà thầu như về khối lượng, đơn giá.

b) Bước 2: Đánh giá về mặt tài chính, thương mại.

Tiến hành đánh giá tài chính, thương mại các nhà thầu thuộc danh sách ngắn trên cùng một mặt bằng theo tiêu chuẩn đánh giá được duyệt.

Việc đánh giá về mặt tài chính, thương mại nhằm xác định giá đánh giá bao gồm các nội dung sau:

- Sửa lỗi;
- Hiệu chỉnh các sai lệch;
- Chuyển đổi giá dự thầu sang một đồng tiền chung;
- Đưa về một mặt bằng so sánh;
- Xác định giá đánh giá của các hồ sơ dự thầu.

Trong quá trình đánh giá, Bên mời thầu có quyền yêu cầu nhà thầu làm rõ về những đơn giá

bất hợp lý và nếu văn bản giải trình của nhà thầu không đủ rõ, thì được coi là sai lệch để đưa vào giá đánh giá của nhà thầu đó”.

17. Điều 50 Nghị định số 88/CP được bổ sung khoản 8, 9, 10 và 11 như sau:

“8. Quản lý hệ thống thông tin về đấu thầu.

9. Quản lý hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu.

10. Quản lý nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam.

11. Thực hiện kiểm tra, thanh tra về đấu thầu và việc thực hiện hợp đồng”.

18. Điều 51 Nghị định số 88/CP được sửa đổi như sau:

“Điều 51. Thông tin về đấu thầu

1. Phương tiện đăng tải thông tin về đấu thầu:

Phương tiện đăng tải thông tin về đấu thầu bao gồm:

a) Tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước phát hành trên toàn quốc;

b) Tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của các Bộ, ngành, địa phương;

c) Phương tiện thông tin đại chúng khác như báo hàng ngày, đài phát thanh truyền hình Trung ương và địa phương.

2. Nội dung thông tin cần đăng tải:

Nội dung đăng tải bao gồm:

a) Kế hoạch đấu thầu;

b) Thông báo mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển;

c) Thông báo mời thầu;

d) Danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu hạn chế;

đ) Danh sách nhà thầu tham gia đấu thầu tư vấn;

- e) Kết quả lựa chọn nhà thầu;
- g) Danh sách cá nhân, tổ chức bao gồm cả nhà thầu vi phạm Quy chế đấu thầu;
- h) Danh sách các nhà thầu bị cấm tham dự thầu;
- i) Thông tin về xử lý vi phạm Quy chế đấu thầu;
- k) Văn bản quy phạm pháp luật về đấu thầu mới ban hành;
- l) Báo cáo tổng kết công tác đấu thầu;
- m) Hoạt động đấu thầu của cơ sở;
- n) Hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu.

3. Quản lý tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu

a) Cơ quan quản lý:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước trên phạm vi toàn quốc.

- Các Bộ, ngành, địa phương chịu trách nhiệm quản lý tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu thuộc phạm vi do mình quản lý.

b) Nội dung thông tin về đấu thầu:

Nội dung thông tin do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đăng tải, bao gồm:

- Các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều này đối với các dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A, nhóm B (không phân biệt nguồn vốn) và các dự án liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, cổ phần.

- Các nội dung còn lại quy định tại điểm g, h, i, k, l, m và n khoản 2 Điều này đối với tất cả các dự án do các cơ quan có trách nhiệm cung cấp thông tin nêu tại điểm c khoản này cung cấp.

Đối với các Bộ, ngành, địa phương tùy theo điều kiện và tình hình thực tế của dự án để

quyết định các nội dung đăng tải quy định tại khoản 2 Điều này. Thông tin thuộc các dự án do các Bộ, ngành, địa phương đăng tải vẫn phải gửi cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đăng tải chung.

c) Cơ quan cung cấp thông tin.

- Chủ các dự án quan trọng quốc gia, các dự án nhóm A, nhóm B (không phân biệt nguồn vốn), dự án liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh, cổ phần có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu các nội dung quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g và i khoản 2 Điều này thuộc dự án do mình quản lý.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm cung cấp cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư các nội dung quy định tại điểm g, i, l và m khoản 2 Điều này thuộc phạm vi do mình quản lý.

- Các nhà thầu cung cấp dữ liệu thông tin của mình quy định tại điểm n khoản 2 Điều này cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Các phương tiện thông tin đại chúng khác:

Các phương tiện thông tin đại chúng khác quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đăng tải thông báo mời thầu các dự án nhóm C và những thông tin khác”.

19. Điều 52 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 52. Phân cấp trách nhiệm về đấu thầu

1. Thủ tướng Chính phủ:

a) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu các dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư (không phân biệt nguồn vốn);

b) Phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu có giá gói thầu từ 100 tỷ đồng trở lên đối với mua

sắm hàng hóa hoặc xây lắp, từ 20 tỷ đồng trở lên đối với tư vấn thuộc dự án do mình quyết định đầu tư. Đối với các gói thầu còn lại Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt và chịu trách nhiệm về kết quả đấu thầu;

c) Phê duyệt các đề nghị chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện đối với các gói thầu quy định tại khoản 3, 5 và 6 Điều 4 Nghị định số 88/CP thuộc dự án do mình quyết định đầu tư, trừ các gói thầu có giá trị dưới 1 tỷ đồng đối với mua sắm hàng hóa hoặc xây lắp, gói thầu có giá trị dưới 500 triệu đồng đối với tư vấn do chủ dự án chịu trách nhiệm quyết định;

Đối với các nội dung quy định tại điểm a, b khoản này, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có thẩm quyền liên quan. Đối với nội dung quy định tại điểm c khoản này, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trên cơ sở báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và ý kiến bằng văn bản của cơ quan tài trợ vốn và các cơ quan có thẩm quyền liên quan.

d) Quyết định kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu.

2. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

a) Thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt về:

- Kế hoạch đấu thầu các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư;

- Kết quả đấu thầu các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

- Đề nghị chỉ định thầu, mua sắm trực tiếp, tự thực hiện đối với các gói thầu quy định tại khoản

3, 5 và 6 Điều 4 Nghị định số 88/CP thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

b) Phát hành, quản lý tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước, quản lý hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu.

c) Kiểm tra, thanh tra công tác đấu thầu trên phạm vi toàn quốc.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội (được xác định trong Luật Ngân sách nhà nước), Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Có ý kiến bằng văn bản về kế hoạch đấu thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu của dự án có liên quan do chủ dự án trình, thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ;

b) Phê duyệt hồ sơ mời thầu các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu các gói thầu được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu tất cả các gói thầu của dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình. Đối với các dự án ủy quyền cho cấp dưới quyết định đầu tư thì cũng ủy quyền việc phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu tất cả các gói thầu thuộc dự án, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm đối với những công việc ủy quyền đó;

d) Thỏa thuận bằng văn bản với chủ dự án về kế hoạch đấu thầu dự án và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên đối với tư vấn, từ 5 tỷ đồng trở lên đối với mua sắm hàng hóa hoặc xây lắp (theo kế hoạch đấu

thầu được duyệt) thuộc các dự án liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc cổ phần theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 88/CP do mình làm đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước tham gia đầu tư dự án, trên cơ sở thẩm định của cơ quan giúp việc đấu thầu.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc tỉnh, quận, huyện, thị xã, thị trấn, xã, phường có trách nhiệm:

a) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư của mình;

b) Phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu tất cả các gói thầu của dự án thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư.

5. Hội đồng quản trị (hoặc người được Hội đồng quản trị ủy quyền) của doanh nghiệp liên doanh, công ty cổ phần, đại diện hợp pháp của các bên tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh có trách nhiệm dưới đây đối với các dự án được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 88/CP:

a) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án trên cơ sở văn bản thỏa thuận của đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước tham gia đầu tư dự án.

b) Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu tất cả các gói thầu của dự án, riêng đối với các gói thầu tư vấn có giá trị từ 1 tỷ đồng trở lên và các gói thầu xây lắp hoặc mua sắm hàng hóa có giá từ 5 tỷ đồng trở lên (theo kế hoạch đấu thầu được duyệt) phê duyệt trên cơ sở ý kiến thỏa thuận của đại diện chủ sở hữu theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp nhà nước tham gia đầu tư dự án;

c) Phê duyệt hồ sơ mời thầu và quyết định các nội dung của quá trình đấu thầu theo quy định.

6. Người có thẩm quyền của doanh nghiệp có

trách nhiệm phê duyệt kế hoạch đấu thầu của dự án, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu của tất cả các gói thầu thuộc dự án do mình quyết định đầu tư, đồng thời quyết định tất cả các nội dung của quá trình đấu thầu theo quy định”.

20. Điều 53 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 53. Phân cấp phê duyệt, thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu

Căn cứ theo giá gói thầu được duyệt trong kế hoạch đấu thầu đối với các dự án quy định tại các điểm a và c khoản 2 Điều 2 Nghị định số 88/CP việc thẩm định và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện như sau:

1. Đối với dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư, do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở báo cáo thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đối với các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình theo quy định.

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt hồ sơ mời thầu của các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu thầu của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả đấu thầu các gói thầu được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền theo quy định, trên cơ sở thẩm định của đơn vị giúp việc liên quan hoặc của Sở Kế hoạch và Đầu tư nếu thuộc địa phương.

2. Đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan quản lý tài chính của Trung ương Đảng, cơ quan Trung ương của tổ chức chính trị - xã hội (được xác định trong Luật Ngân sách nhà nước) phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu của tất cả

các gói thầu thuộc dự án do mình quyết định đầu tư trên cơ sở thẩm định của đơn vị giúp việc liên quan.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu của tất cả các gói thầu thuộc dự án do mình quyết định đầu tư trên cơ sở thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, xã, phường, thị trấn, phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu của tất cả các gói thầu thuộc dự án do mình quyết định đầu tư trên cơ sở thẩm định của bộ phận giúp việc liên quan.

3. Đối với các dự án do doanh nghiệp quyết định đầu tư:

Người có thẩm quyền của doanh nghiệp có trách nhiệm phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu của tất cả các gói thầu thuộc dự án do mình quyết định đầu tư trên cơ sở thẩm định của bộ phận giúp việc liên quan”.

21. Khoản 5 và khoản 7 Điều 55 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“5. Hủy đấu thầu và trách nhiệm tài chính khi hủy thầu:

a) Hủy đấu thầu được áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây:

- Thay đổi mục tiêu đã được nêu trong hồ sơ mời thầu;

- Có bằng chứng cho thấy Bên mời thầu thông đồng với nhà thầu tạo nên sự thiếu cạnh tranh trong đấu thầu;

- Tất cả các hồ sơ dự thầu về cơ bản không đáp ứng được yêu cầu của hồ sơ mời thầu;

- Có bằng chứng cho thấy các nhà thầu có sự thông đồng tiêu cực tạo nên sự thiếu cạnh tranh trong đấu thầu, làm ảnh hưởng đến lợi ích của Bên mời thầu.

Căn cứ quyết định của người có thẩm quyền, Bên mời thầu có trách nhiệm thông báo tới tất cả các nhà thầu về việc hủy đấu thầu hoặc tiến hành đấu thầu lại.

b) Trách nhiệm tài chính khi hủy thầu:

- Nếu việc hủy thầu không phải lỗi của nhà thầu thì Bên mời thầu phải có trách nhiệm đền bù cho các nhà thầu những chi phí tham gia dự thầu.

Mức đền bù được tính trên nguyên tắc tính đúng, tính đủ và theo các định mức của Nhà nước ban hành, bao gồm các khoản sau đây:

+ Chi phí mua hồ sơ mời thầu;

+ Chi phí đi lại (để mua hồ sơ mời thầu, nộp hồ sơ dự thầu, khảo sát thực địa...);

+ Chi phí lập hồ sơ dự thầu;

+ Chi phí khác (văn phòng phẩm, khấu hao thiết bị,...).

- Chi phí đền bù khi hủy thầu nếu vì lý do thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư do người có thẩm quyền quyết định thì được thanh toán từ chi phí của dự án; nếu vì các lý do khác do lỗi của Bên mời thầu gây ra thì các cá nhân có liên quan thuộc Bên mời thầu chịu trách nhiệm thanh toán.

7. Việc loại bỏ hồ sơ dự thầu được áp dụng đối với một trong các trường hợp khi hồ sơ dự thầu:

a) Không đáp ứng các điều kiện tiên quyết nêu trong hồ sơ mời thầu;

b) Không đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật;

c) Nhà thầu không chấp nhận lỗi số học do Bên mời thầu phát hiện và yêu cầu sửa hoặc có lỗi số học sai khác quá 15% giá dự thầu (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc xây lắp);

d) Có tổng giá trị các sai lệch vượt quá 10% giá

dự thầu (chỉ áp dụng đối với gói thầu mua sắm hàng hóa hoặc xây lắp);

d) Có thông tin kê khai sai sự thật”.

22. Bổ sung Điều 57a Nghị định số 88/CP (sau Điều 57) như sau:

“Điều 57a. Hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu

1. Nội dung Hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu.

Hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu bao gồm danh mục các nhà thầu tham gia đấu thầu các dự án tại Việt Nam với những nội dung cụ thể đối với từng nhà thầu như sau:

- a) Tên nhà thầu;
- b) Năm thành lập;
- c) Lĩnh vực tham dự thầu như tư vấn, cung cấp hàng hóa hoặc xây lắp;
- d) Tổng tài sản, vốn lưu động hiện có;
- đ) Những nội dung có liên quan khác.

2. Cơ quan quản lý Hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu.

Cơ quan quản lý Hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu trên phạm vi toàn quốc là Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đăng tải dữ liệu thông tin về nhà thầu trong tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước.

3. Trách nhiệm cung cấp dữ liệu thông tin về nhà thầu.

Nhà thầu có trách nhiệm cung cấp dữ liệu thông tin về nhà thầu cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo các nội dung nêu tại khoản 1 Điều này. Điều kiện để tham dự thầu là nhà thầu phải có tên trong hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu được đăng trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước”.

23. Bổ sung Điều 57b Nghị định số 88/CP như sau:

“Điều 57b. Quản lý nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam

1. Nhà thầu nước ngoài muốn tham gia dự thầu tại Việt Nam phải có trách nhiệm cung cấp dữ liệu thông tin cho cơ quan quản lý Hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu quy định tại khoản 22 Điều 1 của Nghị định này.

2. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Thương mại, Bộ Tài chính nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định về việc quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động tại Việt Nam và trách nhiệm của chủ dự án đối với việc quản lý nhà thầu nước ngoài sau khi trúng thầu hoạt động thực hiện hợp đồng tại Việt Nam”.

24. Khoản 1 Điều 59 Nghị định số 88/CP được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Kiểm tra thực hiện công tác đấu thầu được thực hiện như sau:

a) Cấp quyết định kiểm tra và thực hiện kiểm tra:

- Thủ tướng Chính phủ quyết định việc kiểm tra công tác đấu thầu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, các địa phương trên phạm vi toàn quốc trong những trường hợp cần thiết.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện việc kiểm tra công tác đấu thầu trong phạm vi toàn quốc theo chức năng và đối với những trường hợp cụ thể khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan trực thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định và tổ chức việc kiểm tra công tác đấu thầu theo Quy chế đấu thầu đối với các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình và các đơn vị có dự án do mình cấp Giấy phép đấu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 88/CP.

www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 *
0639985
LAWSOFT

b) Kiểm tra định kỳ:

Tùy theo tình hình thực hiện công tác đấu thầu của cấp cơ sở, người có thẩm quyền quyết định kiểm tra định kỳ theo quý, 6 tháng hoặc cả năm. Việc kiểm tra định kỳ tập trung vào những nội dung chính sau đây:

- Tình hình thực hiện công tác đấu thầu chung của đơn vị;

- Tình hình thực hiện công tác đấu thầu của một số dự án cụ thể: kế hoạch đấu thầu được duyệt; trình tự thực hiện đấu thầu, những căn cứ pháp lý, những lý do thực hiện đấu thầu hạn chế, lý do chỉ định thầu, kết quả trúng thầu, giá trị ký hợp đồng, tình hình thực hiện hợp đồng.

c) Kiểm tra đột xuất:

Việc kiểm tra đột xuất được thực hiện đối với các gói thầu có giá trúng thầu quá thấp so với giá gói thầu, đối với các gói thầu có những vướng mắc hoặc khi có yêu cầu của người có thẩm quyền. Nội dung kiểm tra tập trung vào các vấn đề chính sau đây:

- Thủ tục pháp lý và các văn bản kèm theo;
- Trình tự thực hiện; thời gian thực hiện các khâu trong quá trình lựa chọn nhà thầu;
- Kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Những vướng mắc cụ thể, những thắc mắc của cá nhân, tập thể Bên mời thầu, của nhà thầu (nếu có);
- Những kiến nghị xử lý của cơ sở.

d) Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện vướng mắc thì báo cáo người có thẩm quyền xem xét, giải quyết, nếu phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì báo cáo người có thẩm quyền chuyển nhiệm vụ cho thanh tra xử lý hoặc các cơ quan pháp luật khác xử lý theo thẩm quyền. Toàn bộ quá trình kiểm tra được báo cáo bằng văn bản lên người có thẩm quyền và gửi tới

cơ quan quản lý tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước để đăng tải thông tin”.

25. Bổ sung Điều 59a Nghị định số 88/CP (sau Điều 59) như sau:

“Điều 59a. Thanh tra đấu thầu

Thanh tra đấu thầu là việc thực hiện chức năng thanh tra đối với lĩnh vực đấu thầu. Thanh tra đấu thầu được quy định cụ thể như sau:

1. Cơ quan thực hiện thanh tra đấu thầu.

Cơ quan thực hiện thanh tra đấu thầu trên phạm vi toàn quốc là Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương tổ chức thanh tra công tác đấu thầu trong phạm vi các đơn vị do mình quản lý và các đơn vị có dự án do mình cấp Giấy phép đấu thầu quy định tại điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 88/CP.

2. Đối tượng thanh tra.

Đối tượng được thanh tra đấu thầu là các hoạt động tham gia đấu thầu của tổ chức, cá nhân trong đấu thầu.

3. Tổ chức thực hiện thanh tra.

Việc tổ chức thực hiện thanh tra được tiến hành khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật về đấu thầu, khi có đề nghị của cơ quan kiểm tra nêu tại khoản 24 Điều 1 Nghị định này hoặc khi có yêu cầu của người có thẩm quyền về những vụ việc đấu thầu cụ thể.

4. Nội dung thanh tra.

Tùy theo vụ việc cụ thể mà xác định nội dung thanh tra. Đối với thanh tra thực hiện việc lựa chọn nhà thầu, nội dung thanh tra tập trung vào những vấn đề chính sau:

a) Nội dung các văn bản pháp lý đối với việc thực hiện gói thầu, cụ thể là:

- Kế hoạch đấu thầu được duyệt, các hình thức lựa chọn nhà thầu, đặc biệt là các căn cứ áp dụng đấu thầu hạn chế và chỉ định thầu;

- Hồ sơ mời thầu và các văn bản pháp lý khác đối với các nội dung của quá trình đấu thầu;

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.

b) Quy trình thực hiện việc lựa chọn nhà thầu, các mốc thời gian trong đấu thầu.

c) Những ý kiến thắc mắc, ý kiến bảo lưu của tư vấn, của Tổ chuyên gia hoặc những cá nhân khác (nếu có) phản ánh với cơ quan thanh tra.

5. Xử lý vi phạm khi thanh tra.

Trong quá trình thanh tra, nếu phát hiện vi phạm, tùy theo tính chất của vụ việc vi phạm, cơ quan thanh tra hoặc thanh tra viên thực hiện việc xử phạt theo chức năng quy định trong pháp luật thanh tra của Nhà nước về xử phạt hành chính hoặc kiến nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền thi hành kỷ luật đối với cá nhân (nếu là cán bộ, công chức) theo Pháp lệnh Công chức, xử phạt theo Pháp lệnh Chống tham nhũng hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo pháp luật.

6. Báo cáo thanh tra về đấu thầu

Cơ quan thanh tra hoặc thanh tra viên thực hiện nhiệm vụ thanh tra có trách nhiệm báo cáo kết quả thanh tra lên người có thẩm quyền."

26. Sửa đổi khoản 2 và bổ sung khoản 5 Điều 60 Nghị định số 88/CP như sau:

"2. Nhà thầu có hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

a) Khi nhà thầu có hành vi gian lận như báo cáo, cung cấp thông tin trong hồ sơ dự thầu sai sự thật về năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật, về kinh nghiệm thực hiện, về sơ yếu lý lịch của chuyên gia tư vấn, thì Bên mời thầu có quyền loại

bỏ hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó, đồng thời không hoàn trả bảo lãnh dự thầu (nếu có) của nhà thầu đó. Nhà thầu vi phạm phải bị đăng tải trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước;

b) Nhà thầu có hành vi đưa hối lộ cho các cá nhân, tổ chức thuộc Bên mời thầu và các cơ quan có liên quan đến quá trình đấu thầu, xét thầu thì hồ sơ dự thầu của nhà thầu đó không được xem xét, bảo lãnh dự thầu không được hoàn trả và tên nhà thầu đó sẽ bị đăng tải trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước, đồng thời bị xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Các nhà thầu có hành vi thông đồng móc ngoặc với nhau làm ảnh hưởng đến lợi ích của Bên mời thầu thì không được hoàn trả bảo lãnh dự thầu và sẽ bị đăng tên trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước;

d) Nhà thầu tư vấn lập thiết kế thi công không chuẩn xác, làm cho quá trình thi công phải sửa đổi, bổ sung, hoặc thiết kế lại gây lãng phí thì phải đền bù thiệt hại và sẽ bị đăng tên trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước;

đ) Nhà thầu tư vấn giám sát thi công thiếu trách nhiệm, thông đồng với nhà thầu xây lắp xác nhận sai khối lượng và chất lượng công việc làm giảm chất lượng công trình thì cả hai nhà thầu tư vấn và nhà thầu xây lắp đều phải đền bù thiệt hại và sẽ bị đăng tên trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước, đồng thời đối với các cá nhân thuộc nhà thầu tùy theo mức độ vi phạm mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

e) Nhà thầu xây lắp không thực hiện đúng những phạm vi công việc nêu trong hợp đồng, không thực hiện đúng thỏa thuận giữa các bên trong liên doanh, giữa thầu chính và thầu phụ đã

nêu trong hợp đồng cũng như trong hồ sơ dự thầu hoặc nhượng lại công việc của mình cho các đơn vị khác không được quy định trong hợp đồng thì buộc phải thực hiện theo đúng hợp đồng, đồng thời phải chịu toàn bộ chi phí phát sinh do việc thực hiện không đúng gây ra. Nhà thầu xây lắp vi phạm và nhà thầu tư vấn giám sát có liên quan sẽ bị đăng tên trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước, đồng thời, đối với các cá nhân thuộc nhà thầu, tùy theo mức độ vi phạm mà bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;

g) Nhà thầu không thực hiện hợp đồng vì những lý do không phải là bất khả kháng hoặc bị hủy hợp đồng do vi phạm hợp đồng thì sẽ bị đăng tên trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước;

h) Trường hợp nhà thầu vi phạm một hoặc nhiều điểm quy định từ điểm a đến điểm g khoản này, bị đăng tên trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước, nếu 3 lần bị đăng tên sẽ không được tham gia dự thầu bất kỳ cuộc thầu nào trong phạm vi 1 năm. Nếu nhà thầu lần thứ 2 vi phạm 3 lần sẽ không được tham dự thầu trong 2 năm, nhà thầu lần thứ 3 vi phạm 3 lần sẽ không được tham dự thầu trong 3 năm, nếu sau lần thứ 3 nhà thầu vẫn vi phạm sẽ không được tham dự thầu vĩnh viễn.

Cơ quan quản lý tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước có trách nhiệm công bố danh sách nhà thầu không được tham gia dự thầu nêu trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu và xóa tên trong danh sách thuộc Hệ thống dữ liệu thông tin về nhà thầu.

5. Cá nhân, tập thể Bên mời thầu (bao gồm cả Tổ chuyên gia) vi phạm pháp luật về đấu thầu ngoài những điều quy định tại khoản 1, 3 và 4 Điều 60 Nghị định số 88/CP, còn bị xử lý như sau:

a) Cá nhân, tập thể Bên mời thầu (bao gồm cả Tổ chuyên gia) có hành vi gian lận báo cáo không trung thực quá trình đấu thầu, xét thầu; thông đồng móc ngoặc với nhà thầu; nhận hối lộ thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị thi hành kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Bên mời thầu (bao gồm cả Tổ chuyên gia) không tuân thủ đúng trình tự, quy trình tổ chức đấu thầu, tổ chức đấu thầu khi chưa có kế hoạch đấu thầu được duyệt, không thực hiện cung cấp thông tin về đấu thầu theo quy định thì tùy theo mức độ vi phạm và đối tượng vi phạm, người có thẩm quyền có trách nhiệm xử lý như: quyết định thay đổi nhân sự của Bên mời thầu, của Tổ chuyên gia, xử lý kỷ luật các cá nhân vi phạm (nếu là cán bộ công chức) theo Pháp lệnh Công chức, không cho tham gia bất kỳ gói thầu nào thuộc quyền quản lý, bồi thường thiệt hại (nếu có) hoặc đề nghị các cơ quan có trách nhiệm (như thanh tra) xử lý vi phạm hành chính hoặc các cơ quan pháp luật khác xử phạt theo quy định của pháp luật”.

27. Bỏ khoản 5 Điều 61 Nghị định số 88/CP.

Điều 2. Xử lý những vấn đề chuyển tiếp

1. Đối với các gói thầu đã phát hành hồ sơ mời thầu trước ngày Nghị định này có hiệu lực, thực hiện theo Nghị định số 88/CP và Nghị định số 14/CP.

2. Đối với các gói thầu phát hành hồ sơ mời thầu sau ngày Nghị định này có hiệu lực, tổ chức thực hiện theo Nghị định này.

3. Đối với việc thông báo mời thầu và sử dụng dữ liệu thông tin về nhà thầu trên tờ thông tin về đấu thầu và trang Web về đấu thầu của Nhà nước, được thực hiện sau khi có hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối

hợp với các Bộ, ngành liên quan chịu trách nhiệm nghiên cứu, ban hành mẫu hồ sơ mời thầu, hướng dẫn việc thanh tra về đấu thầu, hướng dẫn và kiểm tra việc thi hành Nghị định này.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị các doanh nghiệp nhà nước và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 67/2003/
NĐ-CP ngày 13/6/2003 về phí bảo
vệ môi trường đối với nước thải.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 27 tháng 12 năm 1993;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường từ nước thải, sử dụng tiết kiệm nước sạch và tạo nguồn kinh phí cho Quỹ bảo vệ môi trường thực hiện việc bảo vệ, khắc phục ô nhiễm môi trường;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải; chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 2.

1. Đối tượng chịu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Nghị định này là nước thải công nghiệp và nước thải sinh hoạt.

2. Nước thải công nghiệp là nước thải ra môi trường từ các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản.

3. Nước thải sinh hoạt là nước thải ra môi trường từ các hộ gia đình, tổ chức khác không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 3. Tổ chức, hộ gia đình có nước thải quy định tại Điều 2 Nghị định này là đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Điều 4. Không thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải trong các trường hợp sau:

1. Nước xả ra từ các nhà máy thủy điện, nước tuần hoàn trong các nhà máy điện;

2. Nước biển dùng vào sản xuất muối xả ra;

3. Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở địa bàn đang được Nhà nước thực hiện chế độ bù giá để có giá nước phù hợp với đời sống kinh tế - xã hội;

4. Nước thải sinh hoạt của hộ gia đình ở các xã thuộc vùng nông thôn và những nơi chưa có hệ thống cấp nước sạch.